

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG

Số 267 Quốc lộ 9, Thành phố Đông Hà,  
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Viễn thông Bắc Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Chiến	Chủ tịch
Ông Trần Phúc Trung	Thành viên
Ông Lê Văn Nghị	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Công Nguyễn	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Hồ	Thành viên
Ông Lê Thái Châu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Phúc Trung	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hồ	Phó Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFA.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VIÊN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG**

Số 267 Quốc lộ 9, Thành phố Đông Hà,  
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Trần Phúc Trung**

**Giám đốc**

Quảng Trị, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Số: 109/2017/BCKT-AFA

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Viễn thông Bắc Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/03/2017 từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ****1. Các khoản nợ phải thu, phải trả**

- Một số khoản nợ phải thu 8.106.080.941 đồng, nợ phải trả 6.803.796.650 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2016. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm hiện nay chúng tôi vẫn chưa nhận được phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản công nợ nêu trên.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

- Một số khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, số dự phòng trích lập thiếu so với quy định là 785.425.960 đồng.
2. Các khoản chi phí
- Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 5.4, giá trị công trình bị cắt giảm khi quyết toán là 98.348.231 đồng chưa được hạch toán giảm doanh thu mà đang theo dõi tại khoản mục "Phải thu khác" là chưa phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;
  - Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 5.6, chi phí sản xuất cột bê tông từ năm 2009 số tiền 297.115.053 đồng và chi phí quản lý của các năm trước 382.729.064 đồng chưa được kết chuyển vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh mà đang theo dõi tại khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" là chưa phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Nếu hạch toán đầy đủ các khoản đã nêu tại mục (1) và (2) nêu trên thì trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên 785.425.960 đồng, chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và chỉ tiêu "Hàng tồn kho" sẽ giảm đi lần lượt là 98.348.231 đồng và 679.844.117 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ lỗ thêm 1.563.618.308 đồng. Đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ lãi 510.809.411 đồng chứ không phải lãi 522.481.425 đồng như đã trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 đính kèm.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Phát triển Viễn thông Bắc Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.5, giá trị cột bê tông bị mất tại Quảng Bình 230.049.900 đồng tồn tại từ các năm trước chưa được Công ty xử lý. Hiện vẫn đang theo dõi tại khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý".

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Theo đó, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ theo Báo cáo kiểm toán số 530/2016/BCKT-AAC ngày 30/03/2016.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Quang Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1334-2014-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán AFA  
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CHỨNG THỰC BÀN SÀO ĐỒNG VỚI CÁI CHÍNH  
Nguyễn Hà Đình  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2883-2015-240-1



Nguyễn Khoa Hải<sup>4</sup>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG**Số 267 Quốc lộ 9, Thành phố Đông Hà,  
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.340.739.285</b>	<b>11.252.648.291</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.981.913.191</b>	<b>546.161.937</b>
1. Tiền	111		1.981.913.191	546.161.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.492.464.238</b>	<b>8.702.452.518</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	7.023.599.033	6.501.064.494
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.082.481.908	957.519.908
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.156.333.397	1.013.818.216
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	230.049.900	230.049.900
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>2.866.361.856</b>	<b>2.004.033.836</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.866.361.856	2.004.033.836
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>780.922.107</b>	<b>790.612.672</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>618.048.792</b>	<b>735.894.745</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	618.048.792	735.894.745
- Nguyên giá	222		4.025.370.688	4.025.370.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.407.321.896)	(3.289.475.943)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>162.873.315</b>	<b>54.717.927</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	162.873.315	54.717.927
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>15.121.661.392</b>	<b>12.043.260.963</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG**

Số 267 Quốc lộ 9, Thành phố Đông Hà,  
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.378.694.256</b>	<b>5.822.775.252</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.378.694.256</b>	<b>5.822.775.252</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.753.908.370	3.104.597.470
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.049.888.280	1.895.045.280
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	188.664.331	323.325.875
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	84.914.163	81.659.515
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	1.300.000.000	388.428.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.319.112	29.719.112
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.742.967.136</b>	<b>6.220.485.711</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>6.742.967.136</b>	<b>6.220.485.711</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.508.878.532	1.508.878.532
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		440.437.836	440.437.836
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(206.349.232)	(728.830.657)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(728.830.657)	(331.673.501)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		522.481.425	(397.157.156)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>15.121.661.392</b>	<b>12.043.260.963</b>



**Trần Phúc Trung**  
Giám đốc

Quảng Trị, ngày 27 tháng 03 năm 2017

**Ngô Thị Mỹ Lượng**  
Kế toán trưởng

**Võ Thị Hồng**  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG**Số 267 Quốc lộ 9, Thành phố Đông Hà,  
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Mẫu B 02a - DN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	6.1	13.698.746.666	7.104.433.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		13.698.746.666	7.104.433.587
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	11.668.164.722	6.522.640.571
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.030.581.944	581.793.016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.628.004	2.204.354
7. Chi phí tài chính	22	6.4	24.032.318	25.228.760
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>24.032.318</i>	<i>25.228.760</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.427.602.683	823.430.677
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		580.574.947	(264.662.067)
11. Thu nhập khác	31	6.6	5.204.379	-
12. Chi phí khác	32	6.7	62.285.210	119.775.514
13. Lợi nhuận khác	40		(57.080.831)	(119.775.514)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		523.494.116	(384.437.581)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.012.691	12.719.575
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		522.481.425	(397.157.156)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	10.450	(7.943)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		10.450	(7.943)

**Trần Phúc Trung**

Giám đốc

Quảng Trị, ngày 27 tháng 03 năm 2017

**Ngô Thị Mỹ Lượng**  
Kế toán trưởng

**Võ Thị Hồng**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG**

Số 267 Quốc lộ 9, Thành phố Đông Hà,

Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Mẫu B 03a - DN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	13.331.055.127	6.076.300.227
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(11.696.996.184)	(5.595.704.103)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.089.216.434)	(1.215.068.541)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(24.032.318)	(25.228.760)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(627.175)	(12.524.499)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.317.911.711	1.484.546.940
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.315.543.477)	(810.489.872)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>522.551.250</b>	<b>(98.168.608)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.628.004	2.204.354
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.628.004</b>	<b>2.204.354</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.062.850.500	388.428.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.151.278.500)	(400.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>911.572.000</b>	<b>(11.572.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>1.435.751.254</b>	<b>(107.536.254)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	546.161.937	653.698.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.981.913.191</b>	<b>546.161.937</b>



Trần Phúc Trung

Giám đốc

Quảng Trị, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Ngô Thị Mỹ Lượng

Kế toán trưởng

Võ Thị Hồng

Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Viễn thông Bắc Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây lắp Bưu điện Quảng Trị thuộc Bưu điện Tỉnh Quảng Trị) theo Quyết định số 64/2004/QĐ-BBCVT ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3003000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 23/03/2006. Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 14/07/2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 5.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1.440.000.000	28,80%	1.440.000.000	28,80%
Các cổ đông cá nhân	3.560.000.000	71,20%	3.560.000.000	71,20%
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Số 267 Quốc lộ 9, Phường 3, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 19 người (31/12/2015: 17 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và xây lắp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình chuyên ngành Bưu chính Viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp và dân dụng gồm:
  - Xây lắp mạng cáp ngoại vi;
  - Xây lắp các thiết bị Bưu chính Viễn thông và phụ trợ: Cáp quang, vi ba, các hệ thống chuyển mạch, hệ thống dây chống sét, hệ thống AC, DC, xây dựng vỏ trạm; Xây dựng các cột ăng ten; Xây dựng đường dây và trạm điện trung và hạ thế, máy vi tính, thiết bị điện, điện lạnh;
  - Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, giao thông, thủy lợi và dân dụng; San lấp mặt bằng;
- Bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin và các hệ thống phụ trợ: Hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn vi ba, cáp quang, điều hòa, nguồn điện, máy nổ, cột ăng ten, hệ thống chống sét;
- Sản xuất vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, gia công cơ khí, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư phát triển trong các lĩnh vực Bưu chính, viễn thông, công nghiệp, nhà ở, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, máy móc, thiết bị Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, điện, điện lạnh;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Kinh doanh vật liệu, thiết bị máy móc xây dựng, trang trí nội ngoại thất và các mặt hàng khác;
- Kinh doanh phát triển dịch vụ Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ gia tăng khác;
- Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống, du lịch; Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu tư, khảo sát thiết kế và tư vấn giám sát các công trình Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### 4.3. Các khoản phải thu

##### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

##### **Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4.4. Hàng tồn kho

##### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 năm
▪ Tài sản cố định khác	7 năm

#### **4.6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.7. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **4.8. Chi phí đi vay**

##### **Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.9. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

***Chi phí phải trả***

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

***Dự phòng phải trả***

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**4.10. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ.

**4.11. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **4.12. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

#### **4.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **4.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay.

#### **4.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

#### **4.16. Thuế**

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Đối với các hoạt động tại Chi nhánh Lao Bảo:

- Áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm;
- Được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2007, Chi nhánh đã có thu nhập chịu thuế, do đó Chi nhánh sẽ được miễn thuế 4 năm (2007 – 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011 – 2019).

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**4.17. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.19. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	371.220.630	476.577.108
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.610.692.561	69.584.829
<b>Cộng</b>	<b>1.981.913.191</b>	<b>546.161.937</b>

**5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Viễn thông Quảng Trị	722.350.801	2.155.990.009
Viễn thông Quảng Bình	4.566.397.888	2.503.348.061
Các đối tượng khác	1.734.850.344	1.841.726.424
<b>Cộng</b>	<b>7.023.599.033</b>	<b>6.501.064.494</b>

**5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
DNTN Hảo Duy	721.978.000	800.000.000
Các đối tượng khác	360.503.908	157.519.908
<b>Cộng</b>	<b>1.082.481.908</b>	<b>957.519.908</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.4. Phải thu khác ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	6.796.333	-	-	-
Tạm ứng	1.038.622.733	-	902.903.885	-
Các khoản phải thu khác (*)	110.914.331	-	110.914.331	-
<b>Cộng</b>	<b>1.156.333.397</b>	<b>-</b>	<b>1.013.818.216</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó giá trị công trình tại Quảng Bình bị cắt giảm khi quyết toán là 98.348.231 đồng.

**5.5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Giá trị cột bê tông bị mất tại Quảng Bình		230.049.900		230.049.900
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>230.049.900</b>	<b>-</b>	<b>230.049.900</b>

**Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	802.933.982	17.508.022	580.611.418	29.180.036
<b>Cộng</b>	<b>802.933.982</b>	<b>17.508.022</b>	<b>580.611.418</b>	<b>29.180.036</b>

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp, vì hầu hết các khoản nợ này đều tồn tại trên 3 năm

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Thời gian quá hồi hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hồi hạn
<b>Phải thu khách hàng</b>						
Ban quản lý Dự án Đường bộ IV	287.584.582	-	Trên 3 năm	287.584.582	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Công trình Viettel	50.010.073	15.003.022	Từ 2 đến dưới 3 năm	50.010.073	25.005.036	Từ 1 đến dưới 2 năm
BQLBA phát triển VTNT Miền Trung	280.837.419	-	Trên 3 năm	-	-	
UBND Huyện Hương Khê	43.632.000	-	Trên 3 năm	43.632.000	-	Trên 3 năm
Viễn thông Nghệ An				27.068.382	-	Trên 3 năm
BQL và Điều hành Dự án xây dựng Giao thông Hà Tĩnh				18.880.373	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thiết kế Tin học	8.350.000	2.505.000	Từ 2 đến dưới 3 năm	8.350.000	4.175.000	Từ 1 đến dưới 2 năm
<b>Phải thu khác</b>						
Đoàn Quang Toàn				1.920.000	-	Trên 3 năm
Nguyễn Ngọc Hưng				360.000	-	Trên 3 năm
Hoàng Hữu Tân				180.000	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác				10.106.100	-	Trên 3 năm
<b>Trả trước cho người bán</b>						
Nguyễn Thành	70.000.000	-	Trên 3 năm	70.000.000	-	Trên 3 năm
Nguyễn Văn Chiến	37.519.908	-	Trên 3 năm	37.519.908	-	Trên 3 năm
Lê Anh Tú	25.000.000	-	Trên 3 năm	25.000.000	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>802.933.982</b>	<b>17.508.022</b>		<b>580.611.418</b>	<b>29.180.036</b>	

**5.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	348.792.433	-	471.718.284	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	2.365.148.384	-	1.355.134.241	-
Hàng hóa	152.421.039	-	177.181.311	-
<b>Cộng</b>	<b>2.866.361.856</b>	<b>-</b>	<b>2.004.033.836</b>	<b>-</b>

(\*) Trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có khoản chi phí sản xuất cột bê tông 297.115.053 đồng chưa xác định được khối lượng hoàn thành từ thời điểm 31/12/2009 và 382.729.064 đồng là chi phí quản lý của các năm trước chưa được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2016	1.761.557.694	629.710.393	1.424.926.961	30.000.000	179.175.640	4.025.370.688
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
T/ly, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.761.557.694</b>	<b>629.710.393</b>	<b>1.424.926.961</b>	<b>30.000.000</b>	<b>179.175.640</b>	<b>4.025.370.688</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2016	1.110.305.651	629.710.393	1.380.880.779	15.000.000	153.579.120	3.289.475.943
Khấu hao trong kỳ	40.703.251	-	44.046.182	7.500.000	25.596.520	117.845.953
T/ly, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.151.008.902</b>	<b>629.710.393</b>	<b>1.424.926.961</b>	<b>22.500.000</b>	<b>179.175.640</b>	<b>3.407.321.896</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2016	651.252.043	-	44.046.182	15.000.000	25.596.520	735.894.745
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>610.548.792</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.500.000</b>	<b>-</b>	<b>618.048.792</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.774.273.088 đồng.

**5.8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	162.873.315	40.644.036
Chi phí sửa chữa		14.073.891
<b>Cộng</b>	<b>162.873.315</b>	<b>54.717.927</b>

**CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG BẮC MIỀN TRUNG**Số 267 Quốc lộ 9, Thành phố Đông Hà,  
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Hồ Xuân Hào (DNTN Hào Duy)	-	-	619.039.850	619.039.850
Công ty Cổ phần Tổng hợp Miền Trung	917.983.825	917.983.825	298.436.600	298.436.600
Công ty TNHH MTV Trần Minh Khoa	1.888.419.700	1.888.419.700	1.462.434.600	1.462.434.600
Lê Thái Châu	361.130.160	361.130.160	-	-
DNTN Hà Dương	785.809.000	785.809.000	-	-
Công ty TNHH Hoàng Nam Quảng Trị	257.036.500	257.036.500	-	-
Công ty Cổ phần ĐTXD & TM Đặng Phan	476.323.700	476.323.700	-	-
Các đối tượng khác	67.205.485	67.205.485	724.686.420	724.686.420
<b>Cộng</b>	<b>4.753.908.370</b>	<b>4.753.908.370</b>	<b>3.104.597.470</b>	<b>3.104.597.470</b>

**5.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hội đồng bồi thường Giải phóng mặt bằng - UBND Thị xã Hồng Lĩnh	614.036.000	477.293.000
Hội đồng bồi thường Giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A - Thạch Hà Hà Tĩnh	1.417.752.280	1.417.752.280
Các đối tượng khác	18.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.049.888.280</b>	<b>1.895.045.280</b>

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày	Trong năm		Tại ngày
	01/01/2016	VND		31/12/2016
	VND	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT	209.853.428	1.376.827.775	1.401.126.594	185.554.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp	627.175	1.012.691	627.175	1.012.691
Thuế thu nhập cá nhân	9.796.241	-	9.796.241	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	98.952.000	61.878.864	160.830.864	-
Thuế khác	4.097.031	2.000.000	4.000.000	2.097.031
<b>Cộng</b>	<b>323.325.875</b>	<b>1.441.719.330</b>	<b>1.576.380.874</b>	<b>188.664.331</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	16.238.200	20.560.300
Bảo hiểm xã hội	20.338.185	61.099.215
Bảo hiểm y tế	31.719.738	
Bảo hiểm thất nghiệp	16.618.040	
<b>Cộng</b>	<b>84.914.163</b>	<b>81.659.515</b>

**5.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.300.000.000	1.300.000.000	2.062.850.500	1.151.278.500	388.428.000	388.428.000
<i>Ngà hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Trị</i>	1.300.000.000	1.300.000.000	2.062.850.500	1.151.278.500	388.428.000	388.428.000
<b>Cộng</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>2.062.850.500</b>	<b>1.151.278.500</b>	<b>388.428.000</b>	<b>388.428.000</b>

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

**5.14.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	5.000.000.000	1.508.878.532	440.437.836	(331.673.501)	6.617.642.867
Lãi trong năm trước	-	-	-	(397.157.156)	(397.157.156)
Tại ngày 01/01/2016	5.000.000.000	1.508.878.532	440.437.836	(728.830.657)	6.220.485.711
Lãi trong năm nay	-	-	-	522.481.425	522.481.425
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>1.508.878.532</b>	<b>440.437.836</b>	<b>(206.349.232)</b>	<b>6.742.967.136</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	1.440.000.000	1.440.000.000
Các cổ đông khác	3.560.000.000	3.560.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

## 5.14.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	5.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

## 5.14.4 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000	50.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000	50.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000	50.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000	50.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000	50.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 100.000 VND/cổ phần



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.14.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(728.830.657)	(331.673.501)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	522.481.425	(397.157.156)
Phân phối lợi nhuận	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>(206.349.232)</b>	<b>(728.830.657)</b>

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

## 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho thuê mặt bằng	195.064.727	248.591.999
Doanh thu hợp đồng xây dựng	13.503.681.939	6.855.841.588
<b>Cộng</b>	<b>13.698.746.666</b>	<b>7.104.433.587</b>

## 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê mặt bằng	49.475.954	211.002.642
Giá vốn hợp đồng xây dựng	11.618.688.768	6.311.637.929
<b>Cộng</b>	<b>11.668.164.722</b>	<b>6.522.640.571</b>

## 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	1.628.004	2.204.354
<b>Cộng</b>	<b>1.628.004</b>	<b>2.204.354</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	24.032.318	25.228.760
<b>Cộng</b>	<b>24.032.318</b>	<b>25.228.760</b>

## 6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	711.964.488	322.138.663
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.253.458	
Chi phí khấu hao TSCĐ	92.249.433	
Thuế, phí và lệ phí	17.621.672	103.358.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.097.238	165.398.699
Chi phí bằng tiền khác	237.416.394	232.534.451
<b>Cộng</b>	<b>1.427.602.683</b>	<b>823.430.677</b>

## 6.6. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác	5.204.379	
<b>Cộng</b>	<b>5.204.379</b>	-

## 6.7. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nộp phạt thuế	44.909.200	13.967.912
Xử lý công nợ	-	105.807.602
Chi phí khác	17.376.010	
<b>Cộng</b>	<b>62.285.210</b>	<b>119.775.514</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 6.8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	523.494.116	(384.437.581)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(503.240.296)	119.775.514
Điều chỉnh tăng	62.285.210	119.775.514
- Chi phí không hợp lý	17.376.010	105.807.602
- Các khoản phạt hành chính, phạt thuế	44.909.200	13.967.912
Điều chỉnh giảm	565.525.506	-
- Lỗi các năm trước	565.525.506	-
Tổng thu nhập chịu thuế	20.253.820	(264.662.067)
- Thu nhập từ Chi nhánh Lao Bảo	20.253.820	6.271.748
- Thu nhập từ Văn phòng	-	(270.933.815)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất đối với thu nhập từ Chi nhánh Lao Bảo	10%	10%
- Thu nhập từ Văn phòng	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.012.691	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.012.691</b>	<b>12.719.575</b>
Trong đó		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.012.691	627.175
- Chi phí thuế TNDN năm trước điều chỉnh vào năm nay	-	12.092.400

## 6.9. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	522.481.425	(397.157.156)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	522.481.425	(397.157.156)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.000	50.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>10.450</b>	<b>(7.943)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.117.071.792	2.525.254.224
Chi phí nhân công	4.786.866.453	3.769.153.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.845.953	201.130.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.450.398.410	445.243.675
Chi phí khác bằng tiền	1.633.598.940	316.646.281
<b>Cộng</b>	<b><u>14.105.781.548</u></b>	<b><u>7.257.427.484</u></b>

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

## 7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.062.850.500	388.428.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.062.850.500</u></b>	<b><u>388.428.000</u></b>

## 7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.151.278.500	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.151.278.500</u></b>	<b><u>400.000.000</u></b>

## 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế với các bộ phận khác.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp, cho thuê trạm BTS và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

HĐQT và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Mối quan hệ	Giao dịch với bên liên quan	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	Nhân sự quản lý chủ chốt	Thù lao	8.000.000	-
Thu nhập Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt	Tiền lương	240.628.240	273.918.405

## 10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty chỉ có rủi ro về lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.981.913.191	546.161.937
Phải thu khách hàng	6.353.184.959	6.065.539.084
Phải thu khác	117.710.664	98.348.231
<b>Cộng</b>	<b>8.452.808.814</b>	<b>6.710.049.252</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	4.753.908.370	3.104.597.470
Vay và nợ thuê tài chính	1.300.000.000	388.428.000
<b>Cộng</b>	<b>6.053.908.370</b>	<b>3.493.025.470</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	1.300.000.000	4.753.908.370	6.053.908.370
Từ 01 đến 03 năm	-	-	-
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>4.753.908.370</b>	<b>6.053.908.370</b>
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	388.428.000	3.104.597.470	3.493.025.470
Từ 01 đến 03 năm	-	-	-
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>388.428.000</b>	<b>3.104.597.470</b>	<b>3.493.025.470</b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Nợ tài chính</b>		
Theo lãi suất thả nổi	1.300.000.000	388.428.000
Theo lãi suất cố định	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



*[Handwritten signature]*  
Trần Phúc Trung  
Giám đốc

Quảng Trị, ngày 27 tháng 03 năm 2017

*[Handwritten signature]*

Ngô Thị Mỹ Lượng  
Kế toán trưởng

*[Handwritten signature]*

Võ Thị Hồng  
Người lập

